TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/4/2019.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Văn Châu**;

2. Bà **Phạm Thị Tuẫn**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Mạnh**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Đại**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 10/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/20198 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Thể H, sinh năm 1990; Có mặt;

Bị đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1989. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2018, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Thể H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và với chị Trần Thị Đ kết hôn 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N vào ngày 04/8/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 12 năm 2018. Anh đã bỏ ra ngoài sống tại thôn Tuy Lai, xã Văn Hội, huyện N từ năm 2014 đến nay thi thoảng anh mới về nhà thăm con. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm đó đến nay, không ai quan tâm gì đến ai,

trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có bất kỳ biện pháp nào cải thiện mối quan hệ vợ chồng.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Đ không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được không có biện pháp nào cải thiện được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Trần Thị Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Vũ Thể T, sinh ngày 15/8/2011. Anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2019 bị đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như anh H trình bày là đúng. Chị xác định vợ chồng hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 01 năm 2018. Hiện nay, vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng sống ly thấn không ai quan tâm gì đến ai.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H vẫn còn nên chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Vũ Thể T, sinh ngày 15/8/2011. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cấp dưỡng hay không do sự tự nguyện của anh H. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/02/2019 chị Đ nhất trí giao con chung là cháu T cho anh H nuôi dưỡng, nhất trí với việc anh H không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Vũ Thể H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị Trần Thị Đ và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung là Vũ Thể T, sinh ngày 15/8/2011, anh không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị Đòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa xác định Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật nhưng bị đơn đã không chấp hành đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều

39; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Thể H. Xử cho anh Vũ Thể H ly hôn chị Trần Thị Đ.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Thể Hùng nuôi dưỡng con chung Vũ Thể T, sinh ngày 15/8/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Thể H về việc không yêu cầu chị Trần Thị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Vũ Thể H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện N nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn chị Trần Thị Đ được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng chỉ có mặt để Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa chị Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Vũ Thể H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Trần Thị Đ. Đây là vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[3]. Về hôn nhân: Anh Vũ Thể H và chị Trần Thị Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 04/8/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND Văn Giang, huyện N, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả hai bên đều trình bày vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, cả anh H và chị Đ đều thừa nhận vợ chồng tuy sống một nhà nhưng ly thân, không ai quan tâm gì đến ai. Mặt khác, trong thời gian sống ly thân và Tòa án thụ lý giải quyết chị Đ không có biện pháp gì cải thiện mối quan hệ vợ chồng và có thái độ bỏ mặc gây khó khăn cho anh H. Cụ thể: tại phiên hòa giải ngày 25/02/2019 chị Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, do trong lúc bực tức vợ chồng có xảy ra cãi cọ, va chạm, nhưng vì con chung, nếu ly hôn sẽ khổ cho con chung nên chị muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tòa án tiến hành xác minh theo đơn đề nghị

của anh Vũ Thể H về mối quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Thể H và chị Trần Thị Đ tại UBND xã V, huyện N.

Địa phương cung cấp: Anh Vũ Thể H và chị Trần Thị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng anh H đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở thôn Tuy Lai, xã Văn Hội, huyện N. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh H, chị Đ không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H, chị Đ ly hôn (Bút lục 31- 32).

Như vậy, anh H xin ly hôn chị Đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Bản thân chị Đ không có bất kỳ biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, thậm chí anh H kiên quyết xin ly hôn thì chị Đ có thái độ bỏ mặc cũng như không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là chị tự tước bỏ đi quyền của mình. Căn cứ Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Thể H xin ly hôn chị Trần Thị Đ.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Vũ Thể H và chị Trần Thị Đ đều xác định: Vợ chồng có 01 con chung Vũ Thể T`, sinh ngày 15/8/2011. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2019 chị Đ có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/02/2019 chị Đ nhất trí giao con chung là cháu T cho anh H nuôi dưỡng, nhất trí với việc anh H không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung. Phù hợp với nguyện vọng của cháu T muốn ở với anh H (Bút lục 21).

Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh H về việc giao con chung Vũ Thể T, sinh ngày 15/8/2011cho anh H nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về án phí: Anh Vũ Thể H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Thể H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Thể H ly hôn Chị Trần Thị Đ.

Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Vũ Thể H nuôi dưỡng con chung Vũ Thể T, sinh ngày 15/8/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Thể H về việc không yêu cầu chị Trần Thị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh Vũ Thể H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/004644, ngày 14/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/4/2019).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện N (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Bùi Quý Long